

BÁO CÁO

Kết quả 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011- 2020; Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tiếp theo

Thực hiện Kế hoạch số 1063/KH-UBND ngày 01/4/2019 của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bắc Giang về tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 65/KH-BCĐ, ngày 05/6/2019 của Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện Tân Yên về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020;

UBND huyện báo cáo kết quả 10 năm thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011-2020

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thuận lợi: Chương trình MTQG xây dựng NTM là Chương trình mang tính toàn diện, tổng hợp của các chương trình mục tiêu liên quan trực tiếp đến kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, là chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước để giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Vì vậy Chương trình MTQG xây dựng NTM có sự tham gia của cả hệ thống chính trị và của toàn thể nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong quá trình thực hiện.

2. Khó khăn: Huyện Tân Yên triển khai xây dựng NTM đồng loạt ở 22/22 xã, một số xã có kết cấu hạ tầng kỹ thuật kém, kinh tế - xã hội phát triển chậm, vì vậy trong quá trình thực hiện MTQG xây dựng NTM, ở một số xã còn gặp nhiều khó khăn như: qui hoạch thiếu đồng bộ; hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật; cơ sở vật chất văn hóa, vệ sinh môi trường nông thôn thiếu đồng bộ; nhận thức của người dân về xây dựng NTM chưa cao; việc xây dựng Làng văn hóa, nếp sống văn hóa gặp nhiều khó khăn,...

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành xây dựng NTM

Giai đoạn 2011-2015: Huyện ủy đã chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu học tập và quán triệt và triển khai Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW xác định nhiệm vụ “Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới”; Quyết định số 800/QĐ-TTG ngày 04/6/2010 về Phê duyệt Chương

trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Nghị quyết số 145/NQ/TU ngày 14/7/2011 về xây dựng nông thôn mới của tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Nghị quyết số 03- NQ/HU ngày 22/02/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về 6 chương trình phát triển kinh tế- xã hội trọng tâm giai đoạn 2011-2015 đến toàn thể cán bộ đảng viên; hàng năm UBND huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế.

Từ khi có Chương trình, huyện đã chỉ đạo triển khai quyết liệt ở cả 22/22 xã, ban hành cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình, tạo nên phong trào mang tính đột phá, có sức lan tỏa lớn, làm thay đổi nhận thức, quan niệm của cả hệ thống chính trị và người dân khi tham gia thực hiện.

Giai đoạn 2016-2020: Trong giai đoạn này tiếp tục quán triệt, phổ biến văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh về xây dựng NTM bằng các văn bản chỉ đạo, thông qua các hội nghị tập huấn, hội nghị lồng ghép với sinh hoạt chi bộ ở cơ sở, họp thôn để toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân biết, thực hiện.

Từ những kết quả đã đạt được, ngay từ đầu giai đoạn, huyện đã chỉ đạo xây dựng NTM với phương châm: “*Khó làm trước, dễ làm sau, không chạy theo thành tích, không để tình trạng nợ đọng trong xây dựng NTM*”. Đồng thời, rút kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo thực hiện, hàng năm BCĐ huyện xác định rõ tiêu chí khó, tiêu chí đòi hỏi đầu tư nhiều nguồn lực để ban hành kế hoạch cụ thể, chi tiết, sát với tình hình thực tế. Ngay từ cuối năm trước, UBND huyện chỉ đạo các xã rà soát các tiêu chí, đánh giá kết quả đạt được để xây dựng kế hoạch thực hiện của năm tiếp theo với phương châm phát huy nội lực trong nhân dân, do nhân dân làm chủ, hạn chế thấp nhất tình trạng nợ đọng trong xây dựng NTM. Chỉ đạo quyết liệt áp dụng cơ chế đặc thù, thực hiện thiết kế mẫu trong XD CB, xác định rõ chủ đầu tư, một số công trình giao cho nhân dân thực hiện và phát huy cơ chế giám sát nhân dân để xây dựng công trình có hiệu quả hơn, nhằm giảm nhiều chi phí trung gian, thuận lợi trong huy động sức dân, hạn chế nợ đọng.

Hàng quý, BCĐ xây dựng NTM huyện tổ chức giao ban, nắm tình hình kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo sự đồng thuận cao để thực hiện nhiệm vụ. Các ngành thành viên Ban chỉ đạo đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM bảo đảm tiến độ, yêu cầu đề ra.

1.2. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc: Từ năm 2012 đến nay, cấp ủy các cấp kiểm tra 45 cuộc, giám sát 20 cuộc; UBKT các cấp đã giám sát 51 cuộc; Hội đồng nhân dân huyện, các Ban HĐND huyện mỗi năm thực hiện kiểm tra, giám sát ít nhất 7 cuộc.

1.3. Về ban hành cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

Vận dụng linh hoạt chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, huyện đã ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng NTM như: Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND, ngày 26/12/2013 của HĐND huyện về quy định nội dung, mức hỗ trợ các xã xây dựng NTM giai đoạn 2013-2015; Nghị quyết số 44/2015/NQ-HĐND, ngày 23/12/2015 của HĐND huyện về quy định nội dung và mức hỗ trợ cho các xã xây dựng NTM

giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND, ngày 28/6/2013 của HĐND huyện về quy định nội dung, mức hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; Nghị quyết số 48/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 về quy định nội dung hỗ trợ phát triển cây ăn quả trên địa bàn huyện giai đoạn 2015-2020; Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 về quy định nội dung, mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 44/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 về hỗ trợ xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020. Ngoài ra, từ nguồn vốn sự nghiệp huyện đã lồng ghép hỗ trợ cứng hóa, cải tạo kênh mương, giao thông nội đồng, phát triển sản xuất để hoàn thành và nâng cao chất lượng tiêu chí Nông thôn mới.

Các văn bản hướng dẫn chủ yếu là chỉ đạo tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình xây dựng và thực hiện đề án NTM, rà soát, đánh giá mức độ đạt đối với từng tiêu chí; lựa chọn xã điểm của tỉnh, huyện xây dựng kế hoạch phân đấu đạt chuẩn NTM; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn vướng mức cho các đơn vị trong quá trình thực hiện.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Thực hiện phong trào thi đua “Tân Yên chung tay xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015”, huyện thưởng 6 xã tiêu biểu mỗi xã 10 triệu đồng, thưởng mỗi tiêu chí hoàn thành 1 triệu đồng, thưởng xã được công nhận NTM đầu tiên 100 triệu, xã thứ hai 50 triệu, xã thứ ba 30 triệu. Giai đoạn 2016-2020, thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây dựng nông thôn mới, huyện thưởng mỗi xã đạt chuẩn NTM: 20 triệu đồng, thôn đạt chuẩn thôn NTM 10 triệu đồng.

1.4. Xây dựng, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

Trong quá trình triển khai thực hiện đã hình thành và kiện toàn kịp thời bộ máy Ban chỉ đạo từ huyện tới cơ sở, Ban quản lý các cấp khi có sự thay đổi về nhân sự, phân công cụ thể các thành viên phụ trách các xã, thôn nhằm nâng cao hiệu quả trong việc kiểm tra, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở. Năm 2011, thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban; Ban quản lý cấp xã do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban. Bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo cấp huyện đặt tại Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện (cơ quan thường trực); cấp xã bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm; các thôn, làng thành lập Ban phát triển thôn.

Đầu năm 2017, UBND huyện thành lập văn phòng điều phối NTM huyện gồm 7 thành viên để tham mưu, giúp việc BCĐ NTM huyện, các thành viên văn phòng điều phối huyện hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, được phân công nhiệm vụ cụ thể gắn với chức năng nhiệm vụ theo lĩnh vực ngành phụ trách. Hàng năm Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện được kiện toàn, bổ sung thành viên kịp thời để chỉ đạo thực hiện.

Đảng ủy, UBND các xã luôn kịp thời kiện toàn bộ máy chỉ đạo, quản lý

Chương trình xây dựng NTM cấp xã. Ban chỉ đạo xây dựng NTM xã do Bí thư đảng ủy làm Trưởng ban, Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban quản lý xây dựng NTM. Các thôn đã thành lập Ban phát triển thôn, do Trưởng thôn làm Trưởng Ban.

2. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân trong xây dựng nông thôn mới

Công tác tuyên truyền được chú trọng theo hướng nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu ở cơ sở, nhất là tại các thôn, xóm và vai trò chủ thể của người dân trong thực hiện Chương trình. Ngoài việc tuyên truyền qua hệ thống đài truyền thanh, tập huấn, hội nghị, các tấm gương điển hình trong thực hiện phong trào, các cách làm hay, sáng tạo cũng được các cán bộ làm công tác nông thôn mới học hỏi lẫn nhau, trao đổi để có hiệu quả cao hơn, hướng tới mỗi người dân đều là một chủ thể tuyên truyền Chương trình NTM, cụ thể:

Phối hợp tổ chức 23 lớp tập huấn cho 1.879 đối tượng là cán bộ NTM cấp huyện, xã, bí thư, trưởng thôn và cán bộ MTTQ thôn, tổ dân phố; tổ chức 118 hội nghị cán bộ để quán triệt triển khai Chương trình của Huyện ủy, kế hoạch của UBND huyện về xây dựng NTM cho 7.014 lượt cán bộ chủ chốt của xã, bí thư, trưởng thôn về xây dựng NTM; BCD huyện, các ngành thành viên, các xã tổ chức 109 hội nghị tập huấn nghiệp vụ và tuyên truyền về xây dựng NTM cho 7.882 lượt người là các thành viên BCD, BQL xã, Ban giám sát xã, Bí thư, Trưởng thôn, các ban ngành đoàn thể của xã và của thôn. Tổ chức thăm quan, học tập kinh nghiệm 14 cuộc tại các địa phương là điểm sáng trong công tác NTM như Quảng Ninh, Hà Tĩnh,...

Tổ chức lễ phát động phong trào thi đua “*Tân Yên chung sức xây dựng nông thôn mới*”, “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, “*Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới*” đến các cơ quan, đơn vị, các xã trong toàn huyện.

Ủy ban MTTQ huyện triển khai cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” nay là Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” gắn với xây dựng nông thôn mới, đã được các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị- xã hội, doanh nghiệp hưởng ứng. Xây dựng nông thôn mới thực sự đã trở thành phong trào trọng tâm, nòng cốt trong thi đua yêu nước. Các đoàn thể huyện đã đưa nội dung xây dựng nông thôn mới vào chương trình kế hoạch toàn khóa, giao chỉ tiêu thi đua hàng năm đến các cấp hội; xây dựng mô hình, tấm gương điển hình về cách làm hay, sáng tạo để đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến từng thành viên, hội viên và quần chúng nhân dân thông qua các phong trào của từng đơn vị.

Công tác thông tin tuyên truyền được cập nhật thường xuyên liên tục thông qua các hội nghị, hội thi, tuyên truyền lưu động, phát sóng trên đài truyền thanh của huyện, xã, treo băng rôn, phát tờ rơi... với nhiều hình thức phong phú, kết quả: 753 cuộc hội nghị của các ban, ngành, đoàn thể với gần 38 nghìn lượt người tham gia; Trên trang thông tin điện tử huyện xây dựng 771 chuyên mục về NTM; đài truyền thanh huyện và đài truyền thanh các xã phát 1.542 tin, bài; 1.779 pa nô, khẩu hiệu, treo 8.025 băng rôn các loại.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới (Biểu 01)

Trong quá trình thực hiện, đã huy động nguồn lực, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Chương trình như: nguồn thu từ đấu giá QSD đất, tranh thủ vốn đầu tư của tỉnh, TW, vốn các Chương trình mục tiêu Quốc gia để đầu tư hạ tầng. Các xã chủ động, thực hiện tốt việc huy động nguồn lực của nhân dân, doanh nghiệp và con em địa phương đóng góp xây dựng các công trình NTM, chỉnh trang nhà cửa, đường làng ngõ xóm,....

Tổng kinh phí huy động thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011-2019 khoảng: 718,567 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách Trung ương, tỉnh: 152,17 tỷ đồng, vốn ngân sách huyện 56,215 tỷ đồng, vốn ngân sách xã 239,849 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 278,428 tỷ đồng. Trong đó:

Giai đoạn 2011-2015: Tổng kinh phí: 375,623 tỷ đồng, gồm: Vốn ngân sách Trung ương, tỉnh: 64,341 tỷ đồng, vốn ngân sách huyện 22,820 tỷ đồng, vốn ngân sách xã 136,067 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 152,395 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016-2019: Tổng kinh phí: 342,944 tỷ đồng, gồm: NS Trung ương, NS tỉnh là: 87,829 tỷ đồng, ngân sách huyện 23,3 tỷ đồng, ngân sách xã 103,782 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 126,033 tỷ đồng.

Ngoài ra, các xã còn huy động hàng nghìn ngày công tham gia xây dựng các công trình NTM, vận động nhân dân hiến đất và tài sản hoa màu trên đất xây dựng công trình công cộng: Đến 30/6/2019, có 14.116 hộ hiến đất với tổng diện tích là 823.866 m² (trong đó đất ở 35.235 m², đất nông nghiệp: 288.631 m², 360 cây lâu năm, 2.961 m² tường rào, 18.100 m³ đất san lấp mặt bằng, 50 m² công trình phụ).

Nợ đọng xây dựng cơ bản đến 30/6/2019: ngân sách xã là 6,183 tỷ đồng. Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện là 0 đồng.

4. Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình NTM

Xây dựng nông thôn mới ở các xã giai đoạn đầu khi được công nhận đạt chuẩn NTM đã để nợ nhiều, nguyên nhân chủ yếu do xã xác định các danh mục cần đầu tư chưa phù hợp, chưa xác định rõ nguồn vốn, cách làm chưa cụ thể, chưa triển khai sâu rộng đến nhân dân.

Để giải quyết tồn tại trên, huyện đã chỉ đạo quyết liệt với chủ trương: đối với xã còn nợ xây dựng cơ bản trên 1,5 tỷ đồng không được phê duyệt danh mục đầu tư, tập trung nguồn lực để trả nợ. Đồng thời, chỉ đạo các xã tích cực tạo nguồn thu: bổ sung quy hoạch đất ở, giải phóng mặt bằng, đấu giá đất; tạo cơ chế đặc thù thu tiền sử dụng đất xen kẹt ở một số vị trí; thực hiện cơ chế đặc thù nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư, tiết kiệm trong các hoạt động chi thường xuyên; tranh thủ nguồn hỗ trợ của doanh nghiệp, các nguồn khác để đầu tư phát huy hiệu quả vốn ngân sách nhà nước. Đến nay, cơ bản các xã xây dựng nông thôn mới khi về đích không để phát sinh nợ đọng. Các xã nợ đọng xây dựng trong xây dựng nông thôn mới sau khi về đích như xã Liên Sơn, Quang Tiến sau 5 năm tập trung nguồn lực đã trả nợ xong.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

Khi xuất phát điểm xây dựng nông thôn mới, toàn huyện đạt 137 tiêu chí,

bình quân 6,2 tiêu chí/xã (trong đó xã cao nhất là Ngọc Lý đạt 8 tiêu chí). Tính đến hết năm 2015, toàn huyện đạt 330 tiêu chí, bình quân 15 tiêu chí/xã; có 4/22 xã đạt chuẩn NTM (Quang Tiến, Liên Sơn, Cao Thượng, Ngọc Lý); các xã còn lại đạt từ 13-17 tiêu chí; tỷ lệ hộ nghèo còn 4,3 %, tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 75%, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90 %.

Đến 30/7/2019: tổng số tiêu chí đã đạt là 391 tiêu chí, bình quân 17,77 tiêu chí/xã (Tăng 254 tiêu chí, tăng bình quân 11,57 tiêu chí/xã so với khi bắt đầu triển khai xây dựng NTM); có 14/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) 4,07%, tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 98,8%, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,7%. Dự kiến hết năm 2019 có thêm 03 xã đạt chuẩn, nâng tổng số có 17/22 xã đạt chuẩn NTM. Mục tiêu đến quý II năm 2020 có 22/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Đến nay có 3 thôn được công nhận đạt chuẩn thôn NTM, 1 thôn được công nhận thôn NTM kiểu mẫu.

(Chi tiết theo Biểu 02 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

2.2. Kết quả thực hiện các tiêu chí

2.2.1. Công tác lập quy hoạch, đề án xây dựng NTM:

Năm 2012, UBND huyện phê duyệt Đề án xây dựng NTM giai đoạn 2012-2020 đối với 22/22 xã làm cơ sở thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM. Trong quá trình thực hiện, đã quyết định điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, Đề án NTM một số xã cho phù hợp với điều kiện của xã và các chính sách mới của TW, của tỉnh. Đồng thời, một số xã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch, cắm mốc giới trên thực địa. Việc triển khai thực hiện và cắm mốc theo quy hoạch đã được thực hiện theo qui định, đảm bảo đúng trình tự, nội dung. Nhìn chung, quy hoạch NTM ở các xã cơ bản đã đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng nông thôn, được công khai minh bạch để nhân dân biết và thực hiện. Đến nay đã thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung được 14/22 xã; 8 xã còn lại tiếp tục rà soát đề nghị điều chỉnh, thời gian hoàn thành đến hết Quý 1/2020.

2.2.2. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội

- **Giao thông:** Giai đoạn 2011-2015: Cứng hóa đường trục xã 64,2 km/260 km đường trục xã, đạt 24,7%; đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm: cứng hoá 86,5/950 km, đạt 9,1%; đường nội đồng: chưa được quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp. Có 6/22 xã đạt tiêu chí này theo bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2011-2015.

Giai đoạn 2016-2019: Tranh thủ nguồn hỗ trợ theo Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh, đã tập trung đầu tư nâng cấp đường giao thông, Kết quả: Đường trục xã: cứng hóa 210/260 km (đạt 78%); đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm cứng hóa 900 km (đạt 94,7%); đường nội đồng cứng hóa được trên 25% khối lượng, cơ bản các tuyến đường nội đồng được cải tạo, nâng cấp, xe cơ giới đi lại thuận lợi. Đến nay, có 20/22 xã đạt tiêu chí giao thông, chiếm 90,9%.

Riêng xã Song Vân và Liên Chung chưa đạt tiêu chí 2, xác định hoàn thành tiêu chí này chậm nhất đến quý IV năm 2019.

- *Thủy lợi*: Các công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất tiếp tục được đầu tư nâng cấp, cải tạo. Cứng hoá 15,7 km đê (trong đó có 7,7 km đê bồi), 103,2 km kênh mương. Cải tạo, nâng cấp 3 hồ; rải cấp phối đá dăm, san gạt ổ gà 2 km đê bồi phú khê; củng cố 200 m đê bồi Hàng Com, xã Việt Lập. Hàng năm, huyện chỉ đạo phát quang toàn bộ các tuyến kênh mương, đảm bảo cung cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai. Các xã đã thường xuyên cải tạo, nâng cấp các trạm bơm, hồ đập phục vụ tốt yêu cầu sản xuất nông nghiệp tại địa bàn huyện. Đến nay có 22/22 xã đạt tiêu chí.

- *Điện*: Trước khi bắt tay vào xây dựng nông thôn mới (giai đoạn 2010 – 2012) huyện Tân Yên được đầu tư đồng bộ lưới điện nông thôn (cả phần hạ áp và trung áp) từ nguồn vốn WB cho 14/22 xã: Cao Xá, Hợp Đức, Ngọc Lý, Ngọc Châu, Ngọc Thiện, An Dương, Liên Sơn, Lam Cốt, Quang Tiến, Đại Hóa, Song Vân, Phúc Hòa, Tân Trung, Nhã Nam; 8/22 xã còn lại lưới điện được đầu tư từ nguồn kinh phí EVN (tổng công ty điện lực Việt Nam). Chất lượng điện cơ bản đạt yêu cầu kỹ thuật, 100% hộ dân thực hiện đấu nối dây dẫn sau công tơ đến hộ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Hiện tại đường dây trung áp và trạm biến áp tại các xã đảm bảo chất lượng phục vụ và đáp ứng tiêu chí nông thôn mới.

Đến nay: 22/22 xã đạt tiêu chí về điện.

- *Trường học*: Giai đoạn 2010-2015 có 17/22 xã đạt tiêu chí, còn 3 xã chưa đạt là (Cao Xá, Liên Chung, An Dương). Giai đoạn 2016-2019 có 21/22 xã đạt tiêu chí, còn 01 xã chưa đạt (Liên Chung). Đã hoàn thành Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên. Hoàn thành xây mới đưa vào sử dụng 68 công trình ở trường học, tỷ lệ kiên cố đạt 94,2%.

Dự kiến đến hết quý I/2020 có 22/22 xã hoàn thành thành tiêu chí này.

- *Cơ sở vật chất văn hoá*: Giai đoạn 2011-2015: đã xây dựng được 83 NVH thôn; 9 NVH xã; trang bị, bổ sung thiết bị phục vụ hoạt động cho 8 NVH xã, 39 NVH thôn, 17 CLB, 1 đội thông tin lưu động. Ngoài ra huyện có chủ trương đẩy mạnh công tác xã hội hoá, khuyến khích người dân, doanh nghiệp và các tổ chức tham gia vào phát triển sự nghiệp văn hoá, thể thao như: đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tài trợ các giải văn nghệ, thể thao, phát triển dịch vụ văn hoá, thể thao phong phú, lành mạnh.

Giai đoạn 2016-2019: 20/22 xã có NVH (trong đó có 19 NVH đạt diện tích sử dụng theo quy định của Bộ VHTT&DL); 01 xã có hội trường, 01 xã chưa có NVH; 21 xã có SVD (trong đó có 17 xã có SVD đạt chuẩn), 3 xã chưa có SVD; 05 xã có thư viện (Việt Ngọc, Lam Cốt, Cao Xá, Đại Hóa, Ngọc Lý). Các xã đều có đủ các trang thiết bị cần thiết để tổ chức các hoạt động trong NVH. Toàn huyện có 346/348 thôn có NVH (đạt 99,4%), 01 thôn chưa có NVH. 100% các NVH thôn đều có bàn ghế, điện chiếu sáng. Có 334 NVH thôn diện tích trên 300m²; 325 NVH thôn được trang bị tăng âm, loa đài để phục vụ hoạt động tại chỗ; 302 thôn có Khu

thể thao, sân tập thể thao đơn giản từ 300m² trở lên; 100% NVH có cán bộ phụ trách NVH.

Xây mới: 3 nhà văn hóa xã (Phúc Hòa, Liên Chung, Lan Giới); xây mới và nâng cấp 08 sân thể thao xã (Phúc Hòa, Quế Nham, Ngọc Châu, Lam Cốt, Việt Lập, Phúc Sơn, Đại Hóa, Lan Giới), xây mới 02 Khu nhà làm việc xã Hợp Đức, Tân Trung; xây mới NVH thôn 48/17 nhà, đạt 282% KH; cải tạo, sửa chữa 53/95 NVH thôn đạt 55,7%KH; sửa chữa nâng cấp khu thể thao thôn 78/136 khu, đạt 57,3% KH.

- *Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:*

Giai đoạn 2011-2015: Có 5 xã hoàn thành tiêu chí số 7, trong đó xã Quế Nham có quy hoạch chợ nông thôn.

Giai đoạn 2016-2020: Đối với 17/22 xã còn lại đều đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong xây dựng NTM (một số xã được miễn tiêu chí này vì không có chợ). Trong đó có 02 xã Ngọc Vân, Ngọc Thiện đạt tiêu chí về chợ nông thôn; 15 xã còn lại đều có điểm mua bán tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn giao thông và trật tự công cộng.

- *Thông tin và truyền thông:* Hạ tầng Bru chính, viễn thông được đầu tư, nâng cấp đáp ứng sự chỉ đạo điều hành cũng như hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, đảm bảo cho người dân tiếp cận thông tin thuận lợi. 100% số thôn có dịch vụ viễn thông, truy cập internet 24/24 giờ. 22/22 xã có đài truyền thanh hoạt động tốt được tiếp sóng từ Đài truyền thanh của huyện. Hệ thống loa tuyên thanh thôn được kết nối với đài truyền thanh của xã đảm bảo thông tin đến với người dân phục vụ công tác tuyên truyền. 100% số xã có kết nối mạng LAN, có ít nhất 01 máy tính/01 bộ phận, sử dụng hệ thống thư công vụ gửi nhận văn bản và sử dụng phần mềm 1 cửa liên thông.

- *Nhà ở dân cư:* Hiện nay không có nhà tạm, nhà dột nát; tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của bộ xây dựng đạt 95%, đảm bảo 3 cứng, các công trình phụ trợ đảm bảo theo quy định. Có 22/22 xã đạt tiêu chí.

2.2.3. Kinh tế và tổ chức sản xuất

Huyện đã tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp: tăng tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ thương mại, giảm tỷ trọng trồng trọt; sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung dựa trên một số nhóm sản phẩm chính; tăng cường liên kết tổ chức sản xuất hàng hóa.

Tiếp tục thực hiện phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất theo quy hoạch, trong đó tập trung phát triển một số sản phẩm thế mạnh, chủ lực của huyện: lúa chất lượng, rau quả chế biến, rau quả thực phẩm, cây ăn quả, chăn nuôi lợn trang trại, mở rộng vùng nuôi thủy sản tập trung thâm canh. Thực hiện quy hoạch vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao, vùng nuôi thủy sản tập trung.

Tích cực dồn điền đổi thửa xây dựng cánh đồng mẫu, vùng sản xuất hàng hóa tập trung: Đến hết năm 2018, toàn huyện dồn đổi được 2426 ha, xây dựng 24 cánh đồng mẫu, duy trì 78 vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Giá trị sản xuất từ cánh đồng mẫu, vùng tập trung tăng 17-25% so với sản xuất đại trà.

Đẩy mạnh ứng dụng TBKT, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất: Xây dựng 37 mô hình ứng dụng công nghệ cao sản xuất rau, hoa trong nhà màng, nhà lưới; tưới tự động trên cây ăn quả; sử dụng chế phẩm vi sinh xử lý đệm lót trong chăn nuôi trang trại chuồng kín. Trồng mới 444 ha, cải tạo 985 ha cây ăn quả, hình thành 98 vùng sản xuất cây ăn quả tập trung. Phát triển rau quả thực phẩm, cây ăn quả, chăn nuôi trang trại tập trung sản xuất theo quy trình VietGAP nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP cho 15 ha rau, 237 ha cây ăn quả, 35 ha thủy sản; 3 trang trại, 2 HTX chăn nuôi lợn. Thực hiện truy xuất nguồn gốc một số sản phẩm: vải sớm, vú sữa, ổi, rau quả chế biến, lợn sạch, tạo tiền đề xây dựng nhãn hiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm.

Tăng cường liên kết trong sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động HTX dịch vụ nông nghiệp, Ban điều hành các thôn; thành lập 7 HTX kiểu mới làm trung tâm tổ chức sản xuất, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tiêu thụ sản phẩm cho nông dân trên địa bàn huyện.

2.2.4. Về văn hoá - xã hội - môi trường

- Về giáo dục và đào tạo: 22/22 xã đạt phổ cập THCS mức độ 2 (đạt 100%); trên 85% học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 Trung học phổ thông và hệ giáo dục thường xuyên, có từ 5% đến 8% vào học nghề trung cấp và sơ cấp. Đến tháng 5/2019, toàn huyện có 70/79 trường học đạt chuẩn quốc gia (MN: 24, TH: 23, THCS: 20, THPT: 3 trường). Dự kiến đến cuối tháng 12/2019, có thêm 3 trường học đạt chuẩn (MN: 2, TH 1), nâng số trường học đạt chuẩn quốc gia lên 73 trường, chiếm 92,4%; tăng 15 trường so với năm 2015, 31 trường so với năm 2010. Đến cuối năm 2019, có 22/22 xã đạt tiêu chí giáo dục (đạt 100%), tăng 6 xã so với năm 2015, 14 xã so với năm 2010.

- Y tế: Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên rõ rệt, cơ sở vật chất y tế được quan tâm đầu tư, từng bước hiện đại hoá trang thiết bị. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiếm 12,5%. Số người tham gia bảo hiểm y tế ngày một tăng, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2015 đạt 76,4% kế hoạch; năm 2019 đạt 98,9%, phấn đấu đến năm 2020 đạt 98,8% người tham gia BHYT. Đến nay có 22/22 xã đạt tiêu chí theo bộ tiêu chí mới về y tế.

- Văn hóa: Giai đoạn 2011-2015: Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa là 85,1%; tỷ lệ làng, khu, phố được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa đạt 67,4 %; công nhận 04 lượt khu dân cư văn hóa được công nhận làng khu dân cư văn hóa điển hình; 04 xã đạt tiêu chuẩn xã văn hoá nông thôn mới.

- Giai đoạn 2016-2019: Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa là 86,1%; tỷ lệ làng, khu, phố được công nhận danh hiệu khu dân cư văn

hóa đạt 79,5%; công nhận 12 lượt khu dân cư văn hóa được công nhận làng, khu dân cư văn hóa điển hình; dự kiến năm 2019 có 14 Khu dân cư văn hóa được công nhận “Khu dân cư văn hóa điển hình sáng – xanh – sạch – đẹp”; 07 xã đạt tiêu chuẩn xã văn hoá nông thôn mới; 498 lượt cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã đi vào nề nếp và có chuyển biến tích cực.

- Lao động việc làm, xóa đói giảm nghèo

Tổng số lao động nông thôn trên địa bàn huyện được học nghề: trên 30.000 người, đạt 108% so với kế hoạch giai đoạn, trong đó số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề theo chính sách Đề án 1956: 6.470 người (Trong đó số người thuộc đối tượng 1: 1.385 người; số người thuộc đối tượng 2: 25 người; số người thuộc đối tượng 3: 5.350 người). Tỷ lệ lao động qua đào tạo $75.786/108.099 = 70,1$ số người trong độ tuổi lao động.

Đẩy mạnh chính sách hỗ trợ đối với hộ cận nghèo đảm bảo mục tiêu giảm nghèo bền vững; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều đến năm 2018 giảm xuống còn 4,07%.

- Môi trường và an toàn thực phẩm: Thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhân dịp kỷ niệm các ngày truyền thống về môi trường. Chỉ đạo quyết liệt các xã bố trí khu thu gom và xử lý rác thải, hiện nay trên địa bàn có 04 lò đốt rác, xử lý rác thải; các xã đã hình thành tổ, nhóm thu gom rác thải và xử lý rác thải, một số xã thành lập HTX môi trường. Từ năm 2016, huyện đã chỉ đạo mỗi xã phải có 01 khu thu gom, xử lý rác thải (chi tiêu riêng của huyện) để đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Có 22/22 xã quy hoạch khu xử lý rác thải, 14 xã đã xây dựng, cải tạo khu thu gom xử lý rác thải tập trung; mỗi xã có từ 7-10 điểm trung chuyển rác thải tại các thôn, cụm thôn. Tỷ lệ dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 93%, tỷ lệ nhà tiêu nhà tắm hợp vệ sinh đạt trên 90%; 100% các thôn, khu phố có tổ thu gom rác thải và có quy chế quản lý nghĩa trang thực hiện theo quy hoạch; tỷ lệ thu gom rác thải ở đô thị đạt 98%, ở nông thôn 65%. Có 14/22 xã đạt tiêu chí số 17.

2.2.5. An ninh- Quốc phòng

Công tác giáo dục và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, lực lượng dân quân vững mạnh rộng khắp và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. Tổ chức thành công 11 cuộc diễn tập (*cấp xã 06 cuộc, cấp huyện 01 cuộc; 04 cuộc diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã*). Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; bổ sung hoàn chỉnh các phương án tác chiến; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh. Tích cực xây dựng tiềm lực quốc phòng; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc.

Xây dựng được 840 mô hình quần chúng tham gia bảo đảm ANTT (35 mô hình liên kết, 805 mô hình tự quản về ANTT), hỗ trợ, giúp đỡ 200 người vi phạm

pháp luật tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống; lập hồ sơ đưa 540 đối tượng vào quản lý, giáo dục, 176 đối tượng cai nghiện ma túy tập trung... Đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa, tấn công trấn áp các loại tội phạm. Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và phòng, chống tội phạm. An ninh chính trị được bảo đảm, không có khiếu kiện phức tạp, đông người, không có điểm nóng xảy ra trên địa bàn; nội bộ nhân dân đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của chính quyền từ huyện đến xã.

2.2.6. Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh

Huyện đã chỉ đạo quyết liệt nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của chính quyền cấp xã, điều hành và giải quyết những vấn đề phát sinh ở nông thôn, đặc biệt tình hình khiếu kiện, các tệ nạn xã hội trên địa bàn giảm, đời sống văn hóa nhân dân ổn định. Bên cạnh đó các xã tập trung chỉ đạo, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ xã, thôn tham gia học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn theo quy định. Đến nay, có 22/22 xã đạt tiêu chí.

3. Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới

3.1. Các tiêu chí đã đạt: Tiêu chí 2 (Giao thông), tiêu chí 3 (thủy lợi), tiêu chí 4 (Điện), tiêu chí 6 (sản xuất), tiêu chí 8 (an ninh, trật tự, xã hội), tiêu chí 9 (chỉ đạo xây dựng NTM).

3.2. Các tiêu chí chưa đạt: 1 (Quy hoạch), 5 (y tế - văn hóa - Giáo dục), 7 (môi trường), cụ thể:

- **Tiêu chí số 1 (Quy hoạch):** Huyện Tân Yên cần xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch vùng huyện theo quy định.

- **Tiêu chí số 5 (Y tế - Văn hóa - Giáo dục):** Chính trang đô thị tại thị trấn Cao Thượng, TT Nhã Nam; trang bị, bổ sung dụng cụ luyện tập thể thao ngoài trời, trong nhà thi đấu,....

- **Tiêu chí số 7 (Môi trường):** Huyện Tân Yên chưa có bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt tập trung hợp vệ sinh; tỷ lệ thu gom rác trên địa bàn huyện đạt 70% (bình quân cả tỉnh đạt 80,8%), tỷ lệ xử lý đạt 60% (bình quân cả tỉnh đạt 81,2%); khu thị trấn Cao Thượng tỷ lệ rác thải phát sinh khoảng 6,2 tấn/ngày, tỷ lệ thu gom đạt trên 90%, nhưng chưa có khu thu gom xử lý rác tập trung. Hiện tại, trên địa bàn huyện có 20/24 xã, thị trấn có khu xử lý chất thải, có 3/4 lò đốt rác đang hoạt động (thị trấn Nhã Nam, Ngọc Lý, Việt Lập); một số xã đã thu phí dịch vụ môi trường (đạt 45%;). Đến nay đang hoàn thành tiêu chí, đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu thu gom xử lý rác thải của huyện.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật khi triển khai Chương trình giai đoạn 2010 - 2019

Công tác triển khai, thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đã được Huyện uỷ, UBND huyện triển khai nghiêm túc, quyết liệt, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình đặt ra cơ bản sát và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã

hội và được triển khai đồng bộ, kịp thời. Ban chỉ đạo và tổ giúp việc các cấp được hình thành sớm; công tác kiểm tra giám sát được duy trì; việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch và điều chỉnh đề án NTM được coi trọng. Cán bộ làm công tác xây dựng NTM được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình hiệu quả, hệ thống văn bản chỉ đạo ban hành và triển khai kịp thời, có tác dụng thiết thực và trở thành động lực thúc đẩy tiến độ thực hiện.

Qua 10 năm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM, bộ mặt nông thôn huyện Tân Yên thay đổi rõ nét, kinh tế phát triển khá; các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục phát triển toàn diện, quy chế dân chủ ở cơ sở có nhiều chuyển biến, an ninh trật tự xã hội được tăng cường, hệ thống chính trị được củng cố kiên toàn, trình độ sản xuất và đời sống vật chất, tinh thần của nông dân được nâng cao rõ rệt, tình làng nghĩa xóm được khơi dậy, các hoạt động văn hóa truyền thống được khôi phục, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá. Sản xuất phát triển, giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt từ 130-145 triệu đồng/năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh (giảm từ 1,5-2%/năm), an ninh trật tự được giữ vững, nhiều công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi văn hoá thể thao được xây dựng làm mới, đặc biệt nhiều công trình hình thành từ kết quả của phong trào hiến đất, và nguồn lực đóng góp của nhân dân. Xây dựng NTM đã thực sự đã trở thành phong trào sâu rộng và tạo khí thế thi đua giữa các thôn trong xã và giữa các xã, góp phần quan trọng thúc đẩy chương trình xây dựng NTM.

Các xã đã xác định rõ cách làm, bước đi triển khai xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, phát huy tối đa vai trò của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò của chi bộ, thôn, xóm và hộ gia đình trong xây dựng nông thôn mới; đã huy động được nguồn lực của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới; xuất hiện nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả tại mỗi địa bàn.

Có 14/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 63,6 %, số tiêu chí hoàn thành đạt cao (332/137) so với xuất phát điểm thực hiện; nhiều tiêu chí đạt, vượt so với Kế hoạch đề ra như tiêu chí giao thông, trường học, nhà ở dân cư, hộ nghèo, lao động có việc làm, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; hoàn thành 6/9 tiêu chí trong Bộ tiêu huyện nông thôn mới; không có nợ đọng xây dựng cơ bản. Phấn đấu hoàn thành mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đã đề ra, đến năm 2020 có 100% số xã đạt chuẩn NTM và huyện đạt chuẩn NTM.

Phong trào thi đua “Tân Yên chung sức xây dựng nông thôn mới” được triển khai, có sức lan tỏa mạnh. Đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và người dân trong triển khai thực hiện. Tư duy, nhận thức của cán bộ và nhân dân trong xây dựng NTM chuyển biến rõ nét, nhiều cán bộ thực sự tâm huyết, trách nhiệm cao với phong trào. Đã huy động được các nguồn lực, phát huy quyền làm chủ và nội lực trong nhân dân “Lấy sức dân làm lợi cho dân” để xây dựng NTM. Phong trào xây dựng NTM được nhân dân đồng tình ủng hộ, các xã đã huy động nhân dân đóng góp hàng trăm tỷ đồng và hàng trăm nghìn ngày công tham gia xây dựng các công trình NTM, vận động nhân dân hiến đất và tài sản, hoa màu trên đất, xây dựng công trình công cộng,...

Công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm được thực hiện thường xuyên, từ đó đưa ra các giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện, thể mạnh của từng xã. Bộ máy quản lý, thực hiện Chương trình các cấp đã được kiện toàn, bổ sung kịp thời, hoạt động hiệu quả.

2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Công tác lập quy hoạch và đề án xây dựng NTM của một số xã chưa phù hợp; rà soát, điều chỉnh đề án chậm, mới chỉ diễn ra tại các xã về đích hoặc chuẩn bị về đích. Ban hành quy chế quản lý quy hoạch và thực hiện cấm mốc chỉ giới theo quy hoạch được phê duyệt thực hiện còn chậm; việc xây dựng đề án NTM của các xã chủ yếu đề cập đến tính toán đầu tư, chưa đưa ra được giải pháp khắc phục khó khăn, thực hiện hiệu quả.

Một số xã chưa quan tâm đầu tư trang bị dụng cụ luyện tập thể thao tập trung; nhiều thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở có quy mô nhỏ, đã xuống cấp không sử dụng được; nhiều khu trung tâm văn hóa thể thao còn thiếu các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, nhà để xe, tường rào, công....; có nơi xây dựng chấp vá, đầu tư thiếu đồng bộ và hiệu quả sử dụng không cao.

Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn mặc dù đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khó thu hút nhà đầu tư vào địa bàn.

Công tác triển khai, xây dựng các khu xử lý rác thải tập trung gặp nhiều khó khăn. Việc xử lý rác thải nông thôn chưa đảm bảo, chưa được thu gom nhất là việc phân loại rác thải tại nguồn, chất thải từ chăn nuôi chưa được xử lý triệt để gây ô nhiễm môi trường, một số bãi chôn lấp không đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường, chủ yếu là các bãi chứa tạm thời. Một số xã đã đạt chuẩn đã xây dựng khu xử lý rác thải tập trung nhưng không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả.

An ninh trật tự nông thôn còn nhiều tiềm ẩn về các tệ nạn xã hội, an toàn giao thông...Đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận người dân nông thôn còn thấp; việc thực hiện chính sách an sinh xã hội còn có những khó khăn, nhiều vấn đề bức xúc trong nông thôn chưa được giải quyết triệt để.

Một số xã xây dựng NTM chủ yếu tập trung vào xây dựng cơ sở vật chất, chưa chú trọng đến phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, duy trì nâng cao chất lượng tiêu chí (tiêu chí động), chưa xác định rõ nguồn lực nên khi đã đạt chuẩn còn dễ tình trạng nợ đọng (xã Liên Sơn, Quang Tiến).

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân khách quan:

Điều kiện kinh tế - xã hội các xã còn khó khăn, xuất phát điểm để xây dựng NTM của các xã thấp (bình quân đạt 6,2 tiêu chí). Nguồn lực đầu tư cho xây dựng NTM lớn, nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách TW, tỉnh, huyện cho các xã về đích còn hạn chế, số còn lại huy động từ nhân dân và nguồn khác. Nguồn thu chủ yếu

từ đầu giá quyền sử dụng đất; mức độ kinh tế của một số hộ dân ở nông thôn còn thấp, nên huy động nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Tình hình kinh tế có nhiều biến động, ảnh hưởng của yếu tố thị trường, thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định, giá cả bấp bênh. Sự biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, diễn biến phức tạp khó lường, bệnh dịch tả lợn Châu Phi bùng phát lây lan mạnh, gây thiệt hại và ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.

Giai đoạn đầu các văn bản hướng dẫn cơ chế, chính sách của Trung ương chưa đồng bộ, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, chưa thực sự trở thành động lực mạnh mẽ trong thực hiện Chương trình và thu hút đầu tư.

Quá trình công nghiệp hóa đã thu hút một lượng lớn lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ đặc biệt là lao động trẻ, dẫn đến thiếu lực lượng sản xuất nông nghiệp.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa liên tục và sâu rộng. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới còn chưa đầy đủ và thiếu toàn diện, vẫn còn tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư từ ngân sách Nhà nước; trình độ, trách nhiệm, khả năng vận động quần chúng của một số cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở còn hạn chế. Một bộ phận người dân chưa tích cực vào cuộc, coi xây dựng NTM là của chính quyền; chưa phát huy hết sức mạnh của cộng đồng dân cư tham gia xây dựng nông thôn mới.

Trong quá trình triển khai thực hiện một số cơ quan, đơn vị của huyện chưa tích cực phối hợp với ngành cấp trên để giúp các xã tháo gỡ vướng mắc, khó khăn. Một số thành viên Ban chỉ đạo, ngành thành viên chưa chủ động phối hợp, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các xã được phân công phụ trách. Một số xã còn lúng túng, chưa phản ánh kịp thời những bất cập về các cơ quan chuyên môn, UBND, Ban chỉ đạo huyện để giải quyết.

Việc rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí ở nhiều xã còn chưa nghiêm túc và sát với thực tế, nên dẫn đến xác định các nội dung, công việc, lộ trình thực hiện chưa phù hợp, phải rà đi rà lại nhiều lần. Một số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới có tư tưởng bằng lòng, thỏa mãn với thành tích đạt được, không quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí.

Chưa phát huy triệt để Quy chế dân chủ ở thôn làng, có xã chưa giao cho cộng đồng dân cư thực hiện các hạng mục công trình đơn giản, các công trình công cộng theo hình thức “nhân dân tự thực hiện” dẫn đến nợ đọng xây dựng cơ bản lớn. Công tác giám sát ở một số cơ sở còn hạn chế, việc huy động nguồn vốn xã hội hoá còn gặp nhiều khó khăn.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Sau 10 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, những bài học kinh nghiệm được rút ra là:

Thứ nhất, phải xác định phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, là sự nghiệp

của toàn đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị. Do đó cần phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng; sự gương mẫu, tiên phong, nòng cốt của cán bộ đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, các ngành. Gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với kết quả tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Thứ hai, xây dựng NTM cần có sự sáng tạo trong tổ chức thực hiện, nhất là về quản lý, đầu tư xây dựng công trình có sự đóng góp của nhân dân. Những công trình mang lại lợi ích công cộng và lợi ích cho cộng đồng dân cư nên giao cho các thôn làm theo hình thức “nhân dân tự thực hiện” để giảm các chi phí trung gian; phải thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách trong việc thu hút nguồn lực; phát huy quyền tự chủ của người dân và cộng đồng trong việc quản lý, sử dụng vốn góp để họ thực sự là chủ thể trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo cho người dân tham gia theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát và dân hưởng thụ”.

Thứ ba, phải coi phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập của người dân là trọng tâm của nội dung xây dựng NTM. Vì vậy, phải đẩy mạnh phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, tích cực thu hút doanh nghiệp vào địa bàn đầu tư liên kết sản xuất, tạo ra sản phẩm nông sản có sức cạnh tranh trên thị trường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và huy động tốt nguồn lực từ đóng góp của nhân dân cho xây dựng NTM.

Thứ tư, công tác tuyên truyền, vận động gắn với phong trào thi đua, động viên khen thưởng, nêu gương là chìa khoá để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Thông qua công tác tuyên truyền nhằm khơi dậy niềm tự hào và trách nhiệm của người dân trong việc huy động nguồn lực tham gia xây dựng NTM, đặc biệt là phong trào hiến đất, hiến tài sản để xây dựng hạ tầng nông thôn và phát triển sản xuất.

Thứ năm, thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở để có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng NTM.

Thứ sáu, Vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền có ý nghĩa rất quan trọng, nhất là cán bộ cơ sở, địa phương nào có người đứng đầu tâm huyết, quan tâm, trách nhiệm, gương mẫu, có phương pháp, cách làm sáng tạo, công khai, dân chủ thì nơi đó tạo được niềm tin, huy động được sự tham gia của nhân dân, đạt kết quả cao trong thực hiện chương trình.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2020 - 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể năm 2020

Có 100% xã về đích NTM và hoàn thành trước tháng 4/2020. Hoàn thành các tiêu chí huyện NTM trước tháng 5/2020 và Huyện Tân Yên được công nhận

Huyện đạt chuẩn NTM vào tháng 6/2020. Có ít nhất 02 thôn đạt chuẩn thôn kiểu mẫu, 1 xã NTM nâng cao để nhân rộng vào giai đoạn tiếp theo.

Căn cứ thời gian hoàn thành tiêu chí huyện NTM, mỗi ngành phụ trách tiêu chí huyện NTM phải xác định nhiệm vụ trọng tâm (có điểm nhấn) để phấn đấu hoàn thành tiêu chí và nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt.

Các xã đã đạt chuẩn NTM cần huy động mọi nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt như tiêu chí số (2,6,17); giữ vững tiêu chí “động” (16, 18, 19); đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất cây ăn quả, ..nâng cao thu nhập và chất lượng sống của người dân nông thôn.

(Có kế hoạch xây dựng huyện NTM riêng)

2. Giai đoạn 2021-2025

- Có ít nhất 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao *(theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)* và 2 xã đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu *(theo Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018)*;

- Mỗi xã có ít nhất 1 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu, 100% số thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

- Các xã đã đạt chuẩn giữ vững các tiêu chí, nâng cao các tiêu chí đã đạt.

- Các công trình hạ tầng thiết yếu *(giao thông, điện, nước, trường học, trạm y tế)* đảm bảo tính kết nối, liên thông và đảm bảo ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn được nâng cao, thu nhập bình quân tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

(Có ban hành riêng kế hoạch xây dựng NTM giai đoạn 2020-2025)

3. Giai đoạn 2025 - 2030

- Phấn đấu đạt huyện nông thôn mới nâng cao; có ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao *(theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018)* ; 100% số thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới, mỗi xã có từ 2-3 thôn đạt thôn NTM kiểu mẫu.

- Các chỉ tiêu tác động trực tiếp đến đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân: Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng ít nhất 2,4 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo giảm dưới mức bình quân chung của tỉnh, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt trên 95%.

(Có ban hành riêng kế hoạch xây dựng NTM giai đoạn 2025-2030)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

Tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về xây dựng nông thôn mới. Tổng hợp, nhân rộng các phong trào quần chúng trong xây dựng đời sống văn hóa nông thôn,

xây dựng nông thôn mới. Phát động rộng rãi các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới mang tính thực chất, đi vào chiều sâu, nội dung đa dạng, hình thức phong phú, có tác dụng tạo sự đồng thuận cao và sức lan tỏa, làm thay đổi nhận thức của người dân cùng chung sức xây dựng nông thôn mới, đẩy lùi tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

Vận động xã hội hóa thực hiện Chương trình trên cơ sở hài hòa lợi ích, huy động phù hợp với sức dân; khơi dậy, phát huy tính tự giác, tự nguyện của người dân. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho xây dựng nông thôn mới.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của nhân dân tham gia giám sát quá trình xây dựng nông thôn mới; tham gia bảo quản tốt các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn.

2. Tập trung các nguồn lực, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người dân nông thôn

Ưu tiên lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình nông thôn mới để phát huy hiệu quả đầu tư. Tập trung huy động có hiệu quả nguồn lực từ đất giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn để lại cho xã đầu tư thực hiện nông thôn mới; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp cho các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định tỉnh Bắc Giang. Chủ động cân đối, bố trí lồng ghép, huy động mọi nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ, nội dung xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên hỗ trợ thực hiện các tiêu chí có thể tạo nên sự phát triển đột phá với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đồng thời, tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình theo kế hoạch hằng năm; đảm bảo việc đầu tư hiệu quả, đúng trọng tâm theo lộ trình đã đề ra trong Đề án xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục hướng dẫn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa cho người dân và các tổ chức kinh tế vay vốn tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn; hướng dẫn nông dân vay vốn nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; thực hiện tốt các cơ chế tín dụng có liên quan. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý, giữa các doanh nghiệp và ngân hàng, nhất là trong việc xác định những ngành, hàng cần ưu tiên đầu tư vốn; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nâng cao chất lượng của công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Thực hiện tốt chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 14/4/2018 của Chính phủ. Thực hiện xã hội hoá đầu tư các công trình cấp nước sạch, chợ nông thôn, công trình thu gom, xử lý rác thải và một số công trình công ích khác, nhất là đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp. Đẩy mạnh thực hiện chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, liên kết với các xã nông thôn mới theo quy định. Sử dụng có hiệu quả các khoản viện trợ không hoàn lại của các

tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản huy động hợp pháp khác để thực hiện xây nông thôn mới tại cơ sở.

Chú trọng phát huy nội lực của cộng đồng dân cư, vận động nhân dân đóng góp, kết hợp với ngân sách nhà nước thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình. Cần xác định huy động sức dân xây dựng nông thôn mới là hướng đi cơ bản, lâu dài. Chú trọng tuyên truyền vận động để tận dụng sự ủng hộ của những người con xa quê có điều kiện hoặc những người đi xuất khẩu lao động. Tạo mối liên kết “4 nhà” trong phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn: Doanh nghiệp làm “bà đỡ” tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, Nhà nước có chính sách khuyến khích tiêu thụ sản phẩm do nông dân làm ra, nhà khoa học tích cực đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để có sản phẩm chất lượng cao tiêu thụ được trên thị trường. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình và kinh tế tư nhân; hỗ trợ đổi mới công nghệ.

Đẩy mạnh triển khai tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới (*trong đó, ưu tiên phát triển các thế mạnh của vùng về cây ăn quả, rau, cây dược liệu, cây đặc sản, chăn nuôi lợn, gia cầm,...*). Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn, xây dựng vùng nguyên liệu nông sản tập trung đáp ứng tiêu chuẩn quản lý chất lượng (VietGap, GlobalGap) ...; Có chính sách mới để thu hút, phát triển nông nghiệp và thủy sản; phát triển và nhân rộng các mô hình công nghệ cao. Triển khai thực hiện tốt, có hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì nhãn mác đạt chuẩn, tem truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm trên địa bàn huyện, nhất là các sản phẩm chủ lực của huyện như: cây ăn quả, rau quả chế biến, rau quả thực phẩm, lạc giống, lợn sạch, thủy sản...

Đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa, khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất; sản xuất tập trung, áp dụng khoa học - công nghệ từ khâu sản xuất - thu hoạch - sơ chế - chế biến - bảo quản - đóng gói sản phẩm nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản.

Tăng cường quản lý, kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm hàng nông sản; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông sản, xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, đảm bảo cho người lao động nông thôn có thu nhập tốt, đời sống ổn định. Từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn; thực hiện lồng ghép các chương trình, chính sách về nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo bền vững.

3. Phát triển dịch vụ

Phát triển dịch vụ bán buôn, bán lẻ, trên cơ sở huy động các nguồn lực xã hội đầu tư vào hạ tầng thương mại nhằm thúc đẩy giao thương, nhất là việc mua bán, trao đổi nông sản; trước mắt, tập trung xây dựng hạ tầng thương mại quanh khu vực phát triển công nghiệp để đảm bảo an sinh, xã hội và khu vực nông thôn đáp ứng nhu cầu cấp thiết... Đầu tư phát triển các chợ nông thôn tại các cụm trung tâm xã theo hướng chuyển đổi mô hình khai thác, quản lý, kinh doanh cho tổ chức, cá nhân ngoài Nhà nước. Khuyến khích đầu tư các cửa hàng tự chọn. Thực hiện tốt

quản lý thị trường, chống buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đẩy mạnh tuyên truyền, tạo chuyển biến trong sử dụng hàng Việt Nam thay thế hàng ngoại nhập.

Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho các Hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh, nhằm trang bị các điều kiện cần thiết để thích ứng và phát triển với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

Bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, trước hết là đất đai, nguồn nước. Thực hiện tốt bảo vệ môi trường, khắc phục và xử lý có hiệu quả rác thải, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường đặc biệt là các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ sở chăn nuôi... Tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn (thu gom xử lý nước thải, chất thải, bao gói thuốc bảo vệ thực vật,...), cải tạo cảnh quan môi trường, trong đó tập trung phát triển các mô hình thôn, làng xanh, sạch đẹp.

5. Phát triển Văn hóa, giáo dục, y tế

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin truyền thông; nâng cao chất lượng, thông tin tuyên truyền bảo đảm thông tin được đầy đủ, kịp thời, đúng, có tính định hướng về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương ...

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, hỗ trợ phát triển văn hóa truyền thống; tăng cường xã hội hoá xây dựng hạ tầng văn hoá - thể thao: sân chơi, bãi tập, các thiết chế văn hóa; nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần cho nhân dân.

Nâng cao chất lượng các loại hình hoạt động văn hóa - thông tin của các phương tiện thông tin đại chúng; phát triển một số điểm vui chơi công cộng, trang bị thêm một số dụng cụ, trang thiết bị cần thiết tại các điểm vui chơi, giải trí, thể thao phục vụ nhân dân.

Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Tranh thủ mọi nguồn lực xã hội, tăng cường xã hội hóa giáo dục để đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường; khuyến khích phát triển nhóm trẻ gia đình, tạo điều kiện cho tư nhân mở các trường tư thục trên địa bàn huyện. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn. Tiếp tục phát triển nhanh về quy mô và nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ; dạy nghề cho lao động nông thôn để đáp ứng yêu cầu lao động kỹ thuật cho phát triển kinh tế - xã hội.

Bố trí nguồn lực đầu tư y tế, tăng cường xã hội hóa trong lĩnh vực y tế; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ cho tuyến y tế cơ sở. Hoàn thiện hệ thống trạm y tế xã, nâng cấp hạ tầng Trung tâm Y tế huyện.

Tích cực triển khai lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về Bảo hiểm y tế nhất là tới các đối tượng thuộc diện tham gia; huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ cho người dân tham gia Bảo hiểm y tế, nhất là hộ gia đình cận nghèo; vận động để học sinh, sinh viên,

hộ gia đình có mức sống trung bình mua Bảo hiểm y tế, góp phần tăng tỷ lệ người tham gia Bảo hiểm y tế ...

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy vai trò các tổ chức chính trị - xã hội

Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, xác định rõ nội dung trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, tránh dàn trải. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sức chiến đấu và năng lực định hướng của các cấp ủy trong công tác xây dựng Đảng và vận động quần chúng để các tổ chức đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong xây dựng nông thôn mới

Sắp xếp, bố trí cán bộ chuyên trách ở Văn phòng Điều phối huyện, công chức chuyên trách các xã phụ trách xây dựng nông thôn mới nhưng đảm bảo không tăng thêm biên chế.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, phương thức hoạt động và tích cực tham gia thực hiện tiêu chí nông thôn mới. Phát huy tốt vai trò giám sát, đánh giá, phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Phát huy hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, giảm nghèo bền vững.

Làm tốt công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng chất đội ngũ cán bộ, nhất là ở cấp xã đạt chuẩn; xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị có năng lực hoạt động tốt, đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn mới.

Trên đây là báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011- 2020; Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tiếp theo./.


Nơi nhận:

- Lưu: VT, NN.

Bản điện tử:

- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- Văn phòng điều phối tỉnh;
- TT HU, HĐND, UBND huyện;
- Thành viên BCD huyện;
- Các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



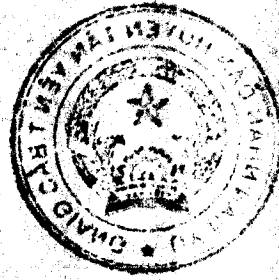
Đương Ngô Mạnh

Đương Ngô Mạnh

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2010-2019

(Kèm theo Báo cáo số... ngày 17/8/2019 của Ban Chỉ đạo NTM huyện Tân Yên)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2010	31/12/2015	30/06/2019
1	Tổng số xã	Xã	22	22	22
2	Số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã	Tiêu chí	6,23	15,09	17,95
3	Số xã đạt theo nhóm tiêu chí				
-	Số xã đạt 19 tiêu chí (đạt chuẩn NTM)	Xã	0	3	11
-	Số xã đạt 15-18 tiêu chí	Xã	0	10	11
-	Số xã đạt 10-14 tiêu chí	Xã	0	9	0
-	Số xã đạt 5-9 tiêu chí	Xã	21	0	0
-	Số xã đạt dưới 5 tiêu chí	Xã	1	0	0
4	Số xã đạt theo từng tiêu chí				
-	Tiêu chí 1: Quy hoạch	Xã	0	22	22
-	Tiêu chí 2: Giao thông	Xã	0	7	20
-	Tiêu chí 3: Thủy lợi	Xã	7	16	22
-	Tiêu chí 4: Điện	Xã	15	22	22
-	Tiêu chí 5: Trường học	Xã	7	17	21
-	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa	Xã	0	6	14
-	Tiêu chí 7: CSHT thương mại nông thôn	Xã	0	5	22
-	Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông	Xã	20	22	22
-	Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư	Xã	10	20	22
-	Tiêu chí 10: Thu nhập	Xã	1	22	22
-	Tiêu chí 11: Hộ nghèo	Xã	13	22	22
-	Tiêu chí 12: Lao động có việc làm	Xã	0	22	22
-	Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất	Xã	20	22	22
-	Tiêu chí 14: Giáo dục	Xã	17	22	22
-	Tiêu chí 15: Y tế	Xã	2	19	22
-	Tiêu chí 16: Văn hóa	Xã	2	17	18
-	Tiêu chí 17: Môi trường và ATTP	Xã	0	5	14
-	Tiêu chí 18: HTCT và tiếp cận pháp luật	Xã	5	22	22
-	Tiêu chí 19: An ninh quốc phòng	Xã	18	22	22
5	Một số chỉ tiêu cơ bản				
-	Giá trị sản xuất bình quân/ha		78	97	130
-	Tỷ lệ hộ nghèo (theo từng giai đoạn) (%)		11,4	4,3	4,07
-	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (%)		37,4	75	98,7
-	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh		92	95	98%



KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010-2019 VÀ ĐỀ XUẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo tổng kết thực hiện Kế hoạch số 18/2019 của Ban Chỉ đạo NTM huyện Tân Yên)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Trong đó			Nhu cầu giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Giai đoạn 2010-2015	Giai đoạn 2016-2019	Giai đoạn 2020-2021		
	TỔNG SỐ					
I	Ngân sách Trung ương	102835	64962		24500	
1	Trái phiếu chính phủ	35148	7598			
2	Đầu tư phát triển	54214	43891			
3	Sự nghiệp	13473	13473			
II	Ngân sách địa phương				85000	
1	Xã (gồm cả cơ chế xi măng)	239849	103782			
III	Vốn lồng ghép				34500	
IV	Vốn tín dụng				73080	
V	Vốn doanh nghiệp				2610	
VI	Vốn cộng đồng dân cư				6525	
1	Tiền mặt (Tr. đồng)	278428	126033			
2	Ngày công lao động (Công)	41.908	18.859			
3	Hiện đất (m ²)	823.866	148304			
4	Nội dung khác (phá tường rào...)					



1954



KẾ HOẠCH PHÂN ĐẠO NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN 2021-2030

(Kèm theo Báo cáo số... 34.../BC-UBND ngày 28/8/2019 của Ban Chỉ đạo NTM huyện Tân Yên)



ST T	Nội dung đăng ký thực hiện	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch giai đoạn 2025-2030
1	Huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	Số huyện	1		
2	Xã đạt chuẩn nông thôn mới				
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Số xã	5		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	%	100		
3	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang	Số xã	1	4	10
4	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018		0	0	1
5	Bình quân tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt được trên đơn vị xã (lũy kế)	Tiêu chí	21	22	22
6	Thôn đạt chuẩn nông thôn mới				
-	Thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 669/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang	Số thôn			
-	Thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang	Số thôn	2	22	44
7	Một số chỉ tiêu cơ bản				
-	Giá trị sản xuất bình quân/ha	Tr.đồng	130	145	160
-	Tỷ lệ hộ nghèo (theo từng giai đoạn)	%	1,86		
-	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	99%	100	100
-	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	%	99	99	100

